

Họ và tên:

Lớp:

## PHIẾU HỌC TẬP

### TIẾT 37: BÀI 35: HOOCMÔN THỰC VẬT

#### I. Khái niệm

|   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| A | A | U | L | L | D | F | G | H | I | I | I |
| B | V | C | H | Ú | Ó | N | G | S | Á | N | G |
| G | R | R | H | O | O | C | M | Ô | N | S | Á |
| T | K | Í | C | H | T | H | Í | C | H | S | B |
| H | J | H | Đ | J | J | Á | B | V | V | C | C |
| Ự | H | H | I | B | N | T | B | J | J | O | H |
| C | L | J | È | B | N | H | K | S | I | I | H |
| V | H | H | U | C | M | Ừ | M | K | K | G | T |
| Â | I | I | T | C | M | U | Ú | C | C | H | Ế |
| T | T | E | I | C | E | C | L | L | O | O | U |
| D | D | O | Ế | O | N | Ơ | N | N | I | K | U |
| Ư | E | T | T | U | A | A | K | P | I | L | N |

Hoocmôn thực vật

là.....

.....

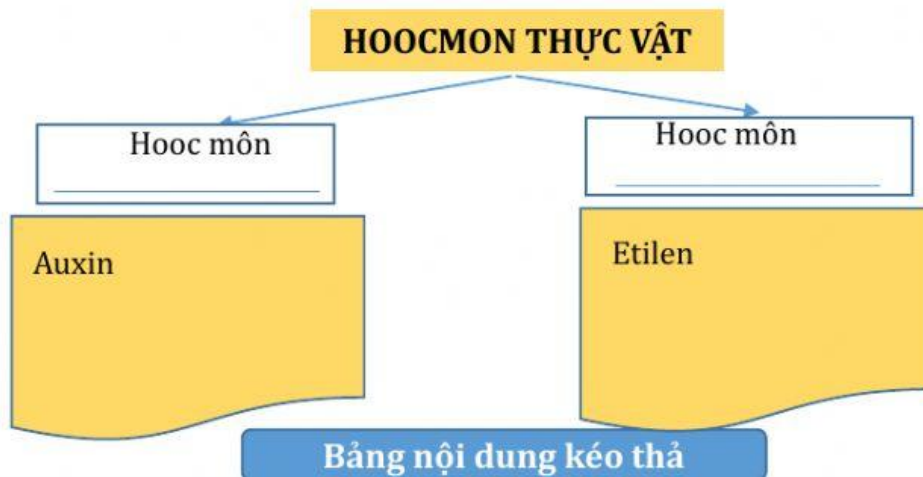
.....

.....

Đặc điểm nào sau đây có ở hoocmôn thực vật?

- ☐ A. Với nồng độ rất thấp gây ra những biến đổi mạnh trong cơ thể.
- ☐ B. Được vận chuyển theo mạch gỗ và mạch rây.
- ☐ C. Được tạo ra một nơi nhưng gây ra phản ứng ở nơi khác.
- ☐ D. Tính chuyển hoá cao hơn nhiều so với hoocmôn ở động vật bậc cao.

#### Phân loại Hoocmôn thực vật



Gibêrilin   Xitôkinin   Axit abixixic   Kinêtin   Axit axetic   Kích thích   Ước chế

Xác định tên hoocmon thực vật tác dụng trong các hình sau



Lúa



Bắp

Điều chỉnh sự  
ngủ nghỉ của hạt





Kích thích ra rễ cành giâm



Hướng sáng



Cây có xử lí  
Hooc môn  
sau 3 ngày



Cây không xử  
lí Hooc môn  
sau 3 ngày



Điều chỉnh sự  
ngủ nghỉ của hạt



Chanh không hạt



Sự nảy mầm ở khoai tây



Kích thích tăng trưởng  
chiều cao cây lúa



Những quả này thực ra đã là cây non ngay từ  
khi còn trên cây mẹ - Vậy các cây này thiếu loại  
hoocmôn nào?

**Ghép tên hoocmon với ứng dụng của nó**

| Hoocmôn         |  | Ứng dụng                                                                                        |
|-----------------|--|-------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1. Auxin        |  | a. Kích thích sự nảy mầm của hạt, chồi, củ, tăng trưởng chiều cao của cây, tạo quả không hạt... |
| 2. Gibêrelin    |  | b. Thúc quả xanh chóng chín và cảm ứng ra hoa ở cây họ dứa.                                     |
| 3. Xitokinin    |  | c. Kích thích ra rễ của cành giâm, chiết và kích thích tạo quả không hạt.                       |
| 4. Êtilen       |  | d. Nuôi cấy tế bào và mô thực vật (nhân giống vô tính) và kích thích sinh trưởng của chồi non.  |
| 5. Axit abxixic |  | e. Ưc chế hạt nảy mầm và kích thích sự rụng lá                                                  |